VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Tiếp theo Công báo số 95 + 96)

Phụ lục XI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN VÀ LƯỚI ĐIỆN THỪA THIÊN HUẾ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN CÓ TRONG QUY HOẠCH

STT	Hạng mục	Quy mô, công suất
I	**Điện khí**	
	Điện khí LNG tại Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	Thực hiện theo Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII
II	**Điện mặt trời**	
III	**Thủy điện**	
IV	**Điện gió**	
V	**Điện sinh khối và nguồn khác**	
VI	**Điện rác**	

B. CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN TIỀM NĂNG

STT	Hạng mục	Địa điểm
I	**Điện khí**	
1	Nâng công suất dự án Điện khí LNG tại Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô
2	Dự án Nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp và kho cảng LNG Phong Điền	Huyện Phong Điền
II	**Điện mặt trời**	
1	Mặt trời mái nhà	

STT	Hạng mục	Địa điểm
2	Mặt trời mặt đất tại các vị trí tiềm năng	Huyện Phong Điền
3	Mặt trời mặt nước	Trên đầm phá, hồ thủy điện
III	**Thủy điện**	**Tại các địa phương**
IV	**Điện gió**	**Huyện Phong Điền, Quảng Điền, Phú Lộc**
V	**Điện sinh khối và nguồn khác**	**Thị xã Hương Trà**

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án nguồn điện tiềm năng chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan.

- Việc đầu tư các dự án thủy điện nhỏ phải được xem xét đánh giá kỹ lưỡng về tác động môi trường, đời sống dân sinh, diện tích chiếm đất,…; phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước,… và các quy định khác có liên quan.

C. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐIỆN

STT	Tên dự án	Đơn vị	Hiện trạng	Đến năm 2030	Đến năm 2050
I	**Hệ thống điện 500kv**				
1	Trạm biến áp	Trạm/Máy / MVA	0	0	3/5/4050
1.1	Xây dựng trạm biến áp 500kV Hương Thủy (có nối cấp trạm 220kV Hương Thủy)	"			1/2/1800
1.2	Xây dựng trạm nâng áp 2x900MVA nhà máy điện khí Chân Mây (giai đoạn 1)	"			1/2/1800
1.3	Xây dựng trạm nâng áp 1x450MVA nhà máy điện mặt trời Cầu Hai	"			1/1/450
2	Đường dây	km	319.9	327.9	332.9
2.1	Hương Thủy 500 kV - Rẽ Quảng Trị - Đà Nẵng (mạch 1, 2)	"			5

STT	Tên dự án	Đơn vị	Hiện trạng	Đến năm 2030	Đến năm 2050
2.2	Xây dựng mới đường dây 500kV mạch kép từ trạm biến áp 500kV điện mặt trời Cầu Hai đấu nối vào đường dây 500kV Hà Tĩnh - Đà Nẵng, chiều dài khoảng 3 km	"		3	
2.3	Xây dựng mới đường dây 500kV mạch kép từ trạm biến áp 500kV nhà máy điện khí Chân Mây đấu nối vào đường dây 500kV Hà Tĩnh - Đà Nẵng, chiều dài khoảng 5 km	"		5	
II	**Hệ thống điện 220kv**				
1	Trạm biến áp	Trạm/máy/ MVA	2/3/500		
1.1	Cải tạo, nâng công suất trạm biến áp AT2 của trạm biến áp 220kV Huế từ 125MVA thành 250MVA	"	2x250		
1.2	Cải tạo, nâng công suất trạm biến áp AT1 của trạm biến áp 220kV Phong Điền từ 125MVA thành 250MVA	"	1/1/250	1/2/375	1/2/500
1.3	Xây dựng mới trạm biến áp 220kV Chân Mây, công suất 2x250MVA	"		1/1/250	1/2/500
1.4	Xây dựng mới trạm biến áp 220kV GIS Hương Thủy, công suất 3x250MVA năm 2024 - 2025 giải quyết phụ tải Hương Thủy và cụm khu công nghiệp Phú Bài	"		1/1/250	3x250
1.5	Xây dựng mới trạm biến áp 220kV GIS Phú Vang, công suất 1x250MVA	"			1/2/500

STT	Tên dự án	Đơn vị	Hiện trạng	Đến năm 2030	Đến năm 2050
1.6	Xây dựng trạm nâng áp 22/220kV nhà máy điện gió (giải tỏa công suất nhà máy điện gió)	"			1/2/500
1.7	Xây dựng trạm nâng áp 22/220kV nhà máy điện mặt trời Cầu Hai, công suất 2x250MVA (giải tỏa công suất nhà máy điện mặt trời Cầu Hai)	"			1/2/500
1.8	Xây dựng trạm nâng áp 22/220kV nhà máy điện mặt trời Tam Giang, công suất 2x250MVA (giải tỏa công suất nhà máy điện mặt trời Tam Giang)	"			1/2/500
2	Đường dây	km	280.49	435.63	549.63
2.1	Xây mới, đấu nối trạm biến áp 220 kV Chân Mây, 4 mạch (Chân Mây - Rẽ Hòa Khánh - Huế)	Số mạch/km		4/5	
2.2	Xây mới, đấu nối trạm biến áp 220 kV Hương Thủy, 4 mạch có bố trí phân pha (2 mạch 220kV với 2 mạch 110kV đi chung liên kết trạm biến áp 220kV Huế, Phong Điền và tăng cường liên kết các trạm biến áp 110kV khu vực	"		4/2	
2.3	Xây mới, đường dây mạch kép - phân pha đấu nối trạm biến áp 220 kV Phú Vang, 2 mạch vào trạm 500kV Hương Thủy	"			24

STT	Tên dự án	Đơn vị	Hiện trạng	Đến năm 2030	Đến năm 2050
2.4	Xây dựng mới đường dây 220kV mạch kép từ trạm biến áp 220kV điện mặt trời Cầu Hai đấu nối vào 01 mạch đường dây 220kV Huế - Hòa Khánh	"			5
2.5	Xây mới đường dây 220kV mạch kép từ trạm biến áp 220kV điện mặt trời Tam Giang đấu nối vào thanh cái 220kV của trạm biến áp 220kV Phong Điền, tiết diện dây dẫn ACSR-400	"			25
2.6	Xây dựng mới đường dây 220kV mạch kép từ trạm biến áp 220kV điện mặt trời Tam Giang đấu nối vào thanh cái 220kV của trạm biến áp 500kV Cầu Hai	"			40
2.7	Nâng khả năng tải Huế - Hòa Khánh	"		2/82	
2.8	Treo dây mạch 3 trên đường dây 220kV Đông Hà - Huế mạch 2 hiện hữu	"		1/78	
2.9	Phong Điền - Rẽ Đông Hà - Huế (mạch 2)	"		2x5	
2.10	Xây dựng mới đường dây 220kV trạm biến áp 220kV Hương Thủy - Huế - chuyển đấu nối Phong Điền	"			19
2.11	Xây dựng mới đường dây tua bin khí hỗn hợp Chân Mây - Hương Thủy	"			44
2.12	Xây dựng mới đường dây tua bin khí hỗn hợp Chân Mây - Liên Chiểu	"			27

STT	Tên dự án	Đơn vị	Hiện trạng	Đến năm 2030	Đến năm 2050
III	**Hệ thống điện 110kv**				
1	Trạm biến áp	Trạm/máy/ MVA			
1.1	Xây dựng máy biến áp nối cấp 110kV/22 tại trạm biến áp 220kV Phong Điền			2/(63+63)	
1.2	Xây dựng máy biến áp nối cấp 110kV/22 tại trạm biến áp 220kV Chân Mây			1/63)	2/(63+63)
1.3	Xây dựng máy biến áp nối cấp 110kV/22 tại trạm biến áp 220kV Hương Thủy			1/63)	2/(63+63)
1.4	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Phong Điền	"		1/(40)	2/(40+63)
1.5	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Quảng Vinh	"		1/(40)	2/(40+63)
1.6	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Tứ Hạ	"		1/(40)	2/(40+63)
1.7	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Phú Đa	"		1/(40)	2/(40+63)
1.8	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Chân Mây	"		1/(63)	2(63+63)
1.9	Cải tạo, nâng công suất trạm biến áp 110kV Huế 1	"	2/(40+40)	2/(63+63)	
1.10	Cải tạo, nâng công suất trạm biến áp 110kV Huế 2	"	2/(40+63)	2/(63+63)	3(63+63+63)
1.11	Cải tạo, nâng công suất trạm biến áp 110kV Huế 3	"	1/(25)	2/(25+63)	2/(63+63)
1.12	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Huế 4	"		2/(40+63)	2/(63+63)

STT	Tên dự án	Đơn vị	Hiện trạng	Đến năm 2030	Đến năm 2050
1.13	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Huế 5	"		2/(63+63)	
1.14	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Huế 6	"		1/(40)	2/(40+63)
1.15	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Thủy Thanh				1/(63)
1.16	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Hương Vinh				1/(63)
1.17	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Huế 7	"			1/(63)
1.18	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Huế 8	"			1/(63)
1.19	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Vinh Thanh	"		2/(40+63)	2/(63+63)
1.20	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Hương Thủy				1/(63)
1.21	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Giang Hải				1/(40)
1.22	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Lộc Bình				1/(40)
1.23	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Chân Mây Tây	"			1/(63)
1.24	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Chân Mây 2	"		1/63	2/(63+63)
1.25	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Chân Mây 3				1/(63)
1.26	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Chân Mây 4				1/(63)
1.27	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Chân Mây 5				1/(63)
1.28	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV khu đô thị Chân Mây	"			1/63

STT	Tên dự án	Đơn vị	Hiện trạng	Đến năm 2030	Đến năm 2050
1.29	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Nam Đông	"		1/25	2/(25+40)
1.30	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV A Lưới	"			1/25
1.31	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Bình Điền	"		1/25	2/(25+40)
1.32	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Hương Trà	"			1/(63)
1.33	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Phú Lộc	"		1(40)	2/(40+63)
1.34	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV A Đớt	"			1/25
1.35	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Hương Thọ	"		1(40	2(40+63)
1.36	Cải tạo, nâng công suất trạm biến áp 110kV Điền Lộc	"	1/25	2/(25+63)	2/(63+63)
1.37	Cải tạo, nâng công suất trạm biến áp 110kV Phong Điền	"	2/(25+25)	2/(25+63)	2/(63+63)
1.38	Cải tạo, nâng công suất trạm biến áp 110kV Phú Bài	"	2/(40+40)	2/(40+63)	2/(63+63)
1.39	Cải tạo, nâng công suất trạm biến áp 110kV Phú Bài 2	"	1/40	2/(40+63)	2/(63+63)
1.40	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp 110kV La Sơn	"	1/40	2/(40+63)	2/(63+63)
1.41	Cải tạo, nâng công suất trạm biến áp 110kV Chân Mây	"	1/25	2/(25+63)	2/(63+63)
1.42	Cải tạo, nâng công suất trạm biến áp 110kV Lăng Cô	"	1/25	2/(25+63)	2/(63+63)
1.43	Cải tạo, nâng công suất trạm biến áp 110kV Cầu Hai	"	1/25	2/(25+63)	2/(63+63)
1.44	Cải tạo, nâng công suất trạm biến áp 110kV Văn Xá (110/22/6kV)	"	2/(25+40)	2/(40+40)	

STT	Tên dự án	Đơn vị	Hiện trạng	Đến năm 2030	Đến năm 2050
1.45	Xây dựng mới trạm nâng áp 22/110kV Nhà máy điện mặt trời Phong Hòa (giải tỏa công suất nhà máy điện mặt trời Phong Hòa)	"		1(63)	
1.46	Xây dựng mới trạm nâng áp 22/110kV Nhà máy điện mặt trời Điền Môn (giải tỏa công suất nhà máy điện mặt trời Điền Môn)	"			1(40)
1.47	Xây dựng mới trạm nâng áp 22/110kV Nhà máy điện mặt trời TTC Phong Điền 2 (giải tỏa công suất nhà máy điện mặt trời TTC Phong Điền 2)	"			1(40)
1.48	Xây dựng mới trạm nâng áp 22/110kV Nhà máy điện mặt trời Phong Điền III (giải tỏa công suất nhà máy điện mặt trời Phong Điền III)	"			1(180)
1.49	Xây dựng mới trạm nâng áp 22/110kV Nhà máy điện mặt trời Điền Hương (giải tỏa công suất nhà máy điện mặt trời Điền Hương)	"			1(125)
1.50	Xây dựng mới trạm nâng áp 22/110kV Nhà máy điện mặt trời Mỹ Xuyên (giải tỏa công suất nhà máy điện mặt trời Mỹ Xuyên)	"			1(40)
1.51	Xây dựng mới trạm nâng áp 22/110kV Nhà máy điện mặt trời Phong Chương (giải tỏa công suất nhà máy điện mặt trời Phong Chương)	"			1(40)

STT	Tên dự án	Đơn vị	Hiện trạng	Đến năm 2030	Đến năm 2050
2	Đường dây	km	366,66		
2.1	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Phong Điền	Số mạch/km		2/0,5	
2.2	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Quảng Vinh	"		1/15	
2.3	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Tứ Hạ	"		2/2	
2.4	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Phú Đa	"		1/10	
2.5	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Chân Mây	"		2/2	
2.6	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Huế 4	"		2/5	
2.7	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV trạm biến áp Huế 5	"		1/7,5	
2.8	Xây dựng mới Huế 4 - Huế 5			1/6	
2.9	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Huế 6	"		1/14	
2.10	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Thủy Thanh				2/4
2.11	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Hương Vinh				2/2
2.12	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Huế 7	"			2/2
2.13	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Huế 8	"			2/2

STT	Tên dự án	Đơn vị	Hiện trạng	Đến năm 2030	Đến năm 2050
2.14	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Vinh Thanh	"		1/13	
2.15	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Hương Thủy				1/7
2.16	Xây dựng mới đường dây trạm biến áp 110kV Hương Thủy - trạm biến áp 110kV Thủy Thanh				1/6
2.17	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Giang Hải				1/15
2.18	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Lộc Bình				1/10
2.19	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Chân Mây Tây	"			2/7
2.20	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Chân Mây 2	"		2/3	
2.21	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Chân Mây 3				2/3
2.22	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Chân Mây 4				2/3
2.23	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Chân Mây 5				2/3
2.24	Xây dựng mới đường dây trạm biến áp 110kV Cầu Hai - Chân Mây 5				2/3

STT	Tên dự án	Đơn vị	Hiện trạng	Đến năm 2030	Đến năm 2050
2.25	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV khu đô thị Chân Mây	"			2/3
2.26	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Nam Đông	"		1/20	
2.27	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV A Lưới	"			1/35
2.28	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Bình Điền	"		1/6	
2.29	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Phú Lộc	"		2/2	
2.30	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Hương Trà	"			2/2
2.31	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV A Đớt	"			1/24
2.32	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm biến áp 110kV Hương Thọ	"		6/3	
2.33	Xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối Nhà máy điện mặt trời Phong Hòa	"		2/5	
2.34	Xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối Nhà máy điện mặt trời Điền Môn	"			2/5
2.35	Xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối Nhà máy điện mặt trời TTC Phong Điền 2	"			2/1
2.36	Xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối Nhà máy điện mặt trời Phong Điền III	"			2/6
2.37	Xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối Nhà máy điện mặt trời Điền Hương	"			2/15

STT	Tên dự án	Đơn vị	Hiện trạng	Đến năm 2030	Đến năm 2050
2.38	Xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối Nhà máy điện mặt trời Mỹ Xuyên	"			2/1
2.39	Xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối Nhà máy điện mặt trời Phong Chương	"			2/1
2.40	Xây dựng mới đường dây từ trạm biến áp 110kV Quảng Vinh - trạm biến áp 110kV Huế 3	"			1/20
2.41	Xây dựng mới đường dây từ trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Phú Đa - trạm biến áp 110kV Huế 6	"		1/15	
2.42	Xây mới đường dây 2 mạch 110kV liên kết trạm 220kV Hương Thủ và trạm biến áp 220kV Huế (được đi chung với đz 220kV 4 mạch trạm biến áp 220kV Hương Thủy - trạm biến áp 220kV Huế - trạm biến áp 220kV Phong Điền)			2 /40	
2.43	Đường dây đấu nối sau trạm biến áp 220kV Hương Thủy			6/7	
2.44	Nâng tiết diện đường dây Phong Điền 220 - Đông Hà 220		2/1,7	2/50	
2.45	Nâng tiết diện đường dây Phong Điền 220 - Phong Điền		2/6		2/6
2.46	Kéo dây mạch 2 đường dây 110kV Phong Điền - Điền Lộc		1/15	2/15	
2.47	Nâng tiết diện đương dây Phong Điền - Điền Lộc				2/15
2.48	Kéo dây mạch 2 đường dây 110kV Huế 2 - Huế 3		1/12	2/12	

STT	Tên dự án	Đơn vị	Hiện trạng	Đến năm 2030	Đến năm 2050
2.49	Nâng tiết diện đường dây 110kV Huế 2 - Huế 3				2/12
2.50	Kéo dây mạch 2 đường dây 110kV Phú Bài 2 - Vinh Thanh		1/13		2/13
2.51	Nâng tiết diện ĐZ Huế - Đà Nẵng (Đường dây từ trạm biến áp Hương Thủy 220 - Chân Mây 220 và các nhánh rẽ vào trạm từ VT 51 đến trạm biến áp Chân Mây 220)	"	2/36	2/36	
2.52	Nâng tiết diện ĐZ Huế - Đà Nẵng (Đường dây từ trạm biến áp Chân Mây 220 - Hòa Khánh 220 và các nhánh rẽ vào trạm)		2/23		2/23
2.53	Nâng tiết diện ĐZ 110kV Huế 1 - Phong Điền 220kV. Danh sách chi tiết các nhánh rẽ như sau: + 110kV Đồng Lâm - Phong Điền 220 + 110kV Văn Xá - Phong Điền 220 + 110kV Đồng Lâm - Huế 2 + 110kV Văn Xá - nhà máy thủy điện Bình Điền + 110kV Huế 220 - nhà máy thủy điện Bình Điền + 110kV Huế 220 - Huế 2	"	2/45	2/45	
2.54	Xây mới xuất tuyến 110kV sau trạm 220kV Chân Mây	"		4/10	
2.55	Xây dựng mới đường dây 110kV Cầu Hai - trạm 220kV Chân Mây			2/6,5	
2.56	Xây dựng mới đường dây 110kV Chân Mây - trạm 220kV Chân Mây			2/7,5	

STT	Tên dự án	Đơn vị	Hiện trạng	Đến năm 2030	Đến năm 2050
2.57	Xây dựng mới đường dây 110kV Lăng Cô - trạm 220kV Chân Mây			2/2,5	
2.58	Xây dựng mới đường dây và trạm nâng áp 22/110kV (Nhà máy điện sinh khối Hương Trà)			2/5	
IV	**Lưới điện phân phối từ 35kv trở xuống**				
1	Đường dây	km	2,224	2,684	
2	Trạm biến áp	Trạm/MVA	2687/949	3617/1504	

Ghi chú:

1. Việc đầu tư các trạm biến áp và tuyến đường dây 500kV và 220kV phải căn cứ vào Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với lưới điện phân phối (cấp điện áp 110kV và trung hạ áp)

- Đối với trạm biến áp:

+ Trong quá trình thực hiện của mỗi giai đoạn, quy mô của trạm biến áp sẽ được lựa chọn phù hợp với nhu cầu phụ tải và giải tỏa công suất nguồn điện.

+ Tiến độ, quy mô và vị trí của các trạm biến áp sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng Kế hoạch thực hiện quy hoạch, phụ thuộc vào nhu cầu phát triển của phụ tải và cấu hình lưới điện trong thực tế.

+ Cấp điện áp phía thứ cấp máy biến áp 110kV và số lượng xuất tuyến trung áp sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Đối với đường dây:

+ Trong trường hợp có sự tăng trưởng phụ tải ở một số khu vực một cách đột biến dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung quy mô, thay đổi phương án đấu nối đường dây thực hiện theo quy định.

+ Sử dụng dây dẫn hoặc cáp ngầm có thông số kỹ thuật tương đương với chủng loại dây dẫn theo quy hoạch theo điều kiện thực tế. Chiều dài đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn thực hiện đầu tư.

- Các dự án đang thực hiện sẽ được chuyển tiếp (tiếp tục thực hiện) theo quy mô, phương án đã được phê duyệt.

- Lưới điện trung/hạ thế: Để đảm bảo quy hoạch mạng lưới điện đồng bộ và sát với thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập và phê duyệt phương án chi tiết phương án phát triển hệ thống trạm biến áp và đường dây sau các trạm biến áp 110kV thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để làm cơ sở thực hiện.

- Cấp điện cho khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Đối với các trạm biến áp 110kV cấp điện cho khu công nghiệp, cụm công nghiệp, căn cứ theo tình hình phát triển phụ tải thực tế và khả năng cấp nguồn cũng như phương án đấu nối phù hợp có thể điều chỉnh tăng quy mô công suất trạm biến áp hoặc bổ sung thêm trạm biến áp 110kV xây dựng mới.

Phụ lục XII
DANH MỤC CÔNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ THỦY LỢI LỚN DỰ KIẾN ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên công trình
I	**Công trình tưới**
1	Xây dựng các kho nước lớn để tích trữ, tạo nguồn nước
1.1	Hồ Ô Lâu Thượng
1.2	Hồ Thủy Cam
1.3	Hồ Khe Triết
2	Các giải pháp liên kết nguồn nước, chuyển nước giữa các vùng
	Xây dựng công trình chuyển nước ngoài phá Phú Vang, Phú Lộc (giai đoạn 1)
3	Xây dựng mới công trình
3.1	Công trình chuyển nước ngoài phá Phú Vang
3.2	Hồ Mai Vĩnh (Trầm Bàu Sen), Trầm Niên (Phú Vang)
3.3	Hồ Lương Viện (Phú Lộc)
3.4	Hệ thống trạm bơm tưới, tiêu trên địa bàn toàn tỉnh
3.5	Hệ thống kênh mương, đường ống trên địa bàn toàn tỉnh
3.6	Hệ thống đập dâng, hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh
3.7	Xây dựng tuyến kênh từ hồ Hòa Mỹ cấp nước vùng cát Phong, Quảng Điền
II	**Công trình tiêu**
1	Nâng cấp, mở rộng các cống trên đê
2	Nâng cấp các hệ thống thủy lợi, đê bao nội đồng trên địa bàn toàn tỉnh
3	Nạo vét các trục thủy đạo thuộc vùng hạ lưu sông Bồ, sông Hương, sông Ô Lâu, sông Đại Giang, sông Lợi Nông, sông Như Ý và các sông, hói, kênh nội đồng
III	**Công trình phòng chống lũ và phòng chống thiên tai**
1	Đê sông
	Nâng cấp đê sông hệ thống sông Ô Lâu, sông Hương, sông Bồ, sông Truồi,….
2	Công trình thiên tai khác
2.1	Đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ sông nguy hiểm tập trung trên các sông: Sông Hương, sông Bồ; sông Ô Lâu và các sông khác trên địa bàn tỉnh
2.2	Trạm trực canh sóng thần

STT	Tên công trình
2.3	Nâng cấp các tuyến đê biển Thừa Thiên Huế
2.4	Kè chống sạt lở bờ biển
2.5	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống các khu neo đậu, các âu thuyền tránh trú bão
IV	**Danh mục công trình phòng chống thiên tai**
1	Kiên cố một số tuyến đường qua vùng ngập lũ
2	Xử lý khẩn cấp mái taluy đường hạ tầng giao thông vào khu du lịch Laguna Lãng Cô
3	Phòng chống sạt lở mái ta luy đường vào khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô
4	Phòng chống sạt lở mái ta luy đường vào khu kinh tế cửa khẩu A Đớt
5	Hệ thống cống Truồi 1, 2, 3 (giai đoạn 2)
6	Sửa chữa nâng cấp đập Cửa Lác, đập Thảo Long và các cống trên đê ven đầm phá
7	Xây dựng và nâng cấp 10 trạm bơm điện tại huyện Hương Thủy; 15 trạm bơm điện tại huyện Phong Điền; 20 trạm bơm điện huyện Quảng Điền; 15 trạm bơm điện thị xã Hương Trà; 15 trạm bơm điện huyện Phú Vang và một số trạm bơm tại các địa phương khác
8	Dự án Ninh Hòa Đại
9	Sửa chữa, nâng cấp dập La Ỷ
10	Nạo vét và xây kè hói Đốc Sơ (An Hòa); hói Hảng Tổng (Hương Sơ)
11	Hệ thống thoát lũ các sông, hói ở vùng hạ lưu sông Bồ, huyện Quảng Điền; sông Ô Lâu, huyện Phong Điền và các sông khác
12	Hệ thống tiêu thoát 1ũ Như Ỷ, Lợi Nồng, Đê Đại Giang - Thiệu Hóa, Phố Lợi, Mộc Hản, Phú Khê, Xuân Lương Hồ, hói 5 xã , hói 7 xã, hói An Lưu, hói Cầu Long,...
13	Kè bảo vệ bờ sông Huơng, sông Bồ, song Ô Lâu, sông Như Ý, sông Bạch Yến
14	Ổn định cửa biển Tư Hiền, Lạch Giang,... và nâng cấp mở rộng cảng cá Tư Hiền kết hợp tránh trú bão
15	Xử lý xói lở bờ biển từ huyện Phong Điền đến huyện Phú Lộc; Hải Dương, ổn định luồng cửa Thuận An (giai đoạn 2)
16	Đảm bảo an toàn hồ chứa tại các địa phương
17	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ biển đoạn Phú Hải - Phú Diên, huyện Phú Vang
18	Xây dựng hệ thống cảnh báo lũ thông minh; hệ thống quan trắc thủy văn ở các đập, hồ chứa nước thủy lợi
19	Dự án xây dựng khu tái định cư di dân vùng thấp trũng, ven sông, các khu vực bị xói lở

STT	Tên công trình
20	Xây dựng và nâng cấp hệ thống đê điều
21	Hệ thống các công trình phòng chống thiên tai theo Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
V	**Danh mục các biện pháp phi công trình phòng chống thiên tai**
1	Dự án vận hành hồ chứa nước trong tình huống khẩn cấp và quản lý lũ hiệu quả bằng hệ thống thông tin quản lý thiên tai toàn diện (Dự án đang triển khai)
2	Xây dựng hệ thống quan trắc an toàn đập, hồ chứa nước
3	Xây dựng hệ thống cảnh báo lũ thông minh; hệ thống quan trắc thủy văn chuyên dùng ở các đập, hồ chứa nước thủy lợi và các vùng hạ du của lưu vực các sông, suối
4	Dự án bảo tồn, tái sinh, duy trì, phục hồi, nâng cao khả năng điều tiết nước của rừng đầu nguồn, các dòng chảy, sông, hồ chứa nước, các khu vực canh tác nông nghiệp, không gian đô thị, nông thôn, hệ thống đầm phá Tam Giang - Cầu Hai theo Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỂ THAO TỈNH THỪA THIÊN HUẾ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỂ THAO

STT	Danh mục	Số lượng	Hình thức		Địa điểm
			Mới	Điều chỉnh, mở rộng	
I	**Quy hoạch di sản, di tích**				
1	Di sản thế giới	2	x		
1.1	Ca Huế	1	x		
1.2	Di sản tư liệu Hán - Nôm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	1	x		
2	Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia	5	x		
2.1	Nghề may đo và tập quán sử dụng áo dài truyền thống Huế	1	x		
2.2	Ẩm thực Bún bò Huế	1	x		
2.3	Nghề làm nón lá Huế	1	x		
2.4	Lễ hội truyền thống Điện Huệ Nam	1	x		
2.5	Nghề làm gốm Phước Tích	1	x		
3	Di tích quốc gia đặc biệt	4	x		
4	Di tích cấp quốc gia	10	x		
5	Di tích cấp tỉnh	20	x		
II	**Thiết chế văn hóa cấp tỉnh**	0			
1	Cơ sở công lập	17	6	11	Thành phố Huế
1.1	Trung tâm Văn hóa và hội nghị tỉnh			x	Thành phố Huế
1.2	Bảo tàng Quốc gia Cổ vật Cung đình Huế			x	Thành phố Huế
1.3	Bảo tàng lịch sử tỉnh		x		Thành phố Huế
1.4	Bảo tàng Mỹ thuật Huế		x		Thành phố Huế
1.5	Nhà hát nghệ thuật ca kịch Huế		x		Thành phố Huế
1.6	Thư viện Tổng hợp tỉnh (1,5 ha)		x		Thành phố Huế

STT	Danh mục	Số lượng	Hình thức		Địa điểm
			Mới	Điều chỉnh, mở rộng	
1.7	Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật (giai đoạn 2)			x	Thành phố Huế
1.8	Cơ sở tổ chức biểu diễn nghệ thuật Ca Huế			x	Thành phố Huế
1.9	Quảng trường Văn hóa thể thao Bà Triệu và chỉnh trang Trung tâm Thi đấu thể thao Thừa Thiên Huế			x	Thành phố Huế
1.10	Không gian sáng tạo công nghiệp văn hóa Cung An Định			x	Thành phố Huế
1.11	Bảo tàng Áo dài, Ẩm thực		x		
1.12	Trung tâm trình diễn Ca Huế thính phòng (Châu Hương Viên hoặc 268 Bùi Thị Xuân)		x		Thành phố Huế
1.13	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật		x		Thành phố Huế
1.14	Khu công viên văn hóa đa năng hồ Thủy Tiên		x		Thành phố Huế
1.15	Vườn tượng quốc tế Sông Hương		x		Thành phố Huế
1.16	Khu công viên, văn hóa tại các khu quy hoạch đô thị, khu dân cư mới tập trung		x		
1.17	Các bảo tàng các thiết chế, công trình văn hóa khác theo Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		x		Tại các địa phương
1.18	Đầu tư các thiết chế văn hóa theo chuẩn cho các đơn vị hành chính mới				Tại các địa phương
2	Cơ sở ngoài công lập				
2.1	Thiết chế văn hoá, điện ảnh				
2.2	Cơ sở chiếu phim Gia Hội	1		x	Thành phố Huế
2.3	Trung tâm chiếu phim Quốc gia cơ sở 2 tại thành phố Huế	1	x		Thành phố Huế

STT	Danh mục	Số lượng	Hình thức		Địa điểm
			Mới	Điều chỉnh, mở rộng	
2.4	Rạp chiếu phim tại Trung tâm thương mại AEON mall và các trung tâm thương mại khác	1	x		Thành phố Huế
2.5	Thiết chế, công trình văn hóa khác				
2.6	Xây dựng bảo tàng trưng bày, trung tâm dịch vụ văn hóa tại số 49 - 51 Hàm Nghi, thành phố Huế	1	x		Thành phố Huế
2.7	Khu công viên văn hóa đa năng hồ Thủy Tiên	1		x	Thành phố Huế
2.8	Khu công viên Độn Sầm	1	x		Hương Thủy
2.9	Khu công viên văn hóa đa năng tại Khu đất CV1 - CV3 thuộc Khu B - Đô thị mới An Vân Dương	1	x		Thành phố Huế
2.10	Khu văn hóa đa năng ngoài công lập Thủy Xuân	1	x		Thành phố Huế
2.11	Không gian văn hóa Bãi bồi Lương Quán, Thủy Biều	1	x		Thành phố Huế
2.12	Thiết chế Bảo tàng, trưng bày, triển lãm				
2.13	Các bảo tàng, trung tâm triển lãm trưng bày tại các khu quy hoạch, khu đô thị	1	x		Tại các địa phương
2.14	Các thiết chế, công trình văn hóa khác theo Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		x		Tại các địa phương
III	**Quy hoạch các thiết chế thể dục, thể thao**				
1	Các cơ sở thể dục, thể thao công lập				
1.1	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh	1	x		Thành phố Huế
1.2	Đầu tư cơ sở vật chất cho các Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao			x	Tại các địa phương

STT	Danh mục	Số lượng	Hình thức		Địa điểm
			Mới	Điều chỉnh, mở rộng	
	còn thiếu các thiết chế thể thao theo tiêu chuẩn, sắp xếp lại cơ sở vật chất hình thành các cơ sở thể dục, thể thao theo chuẩn cho các đơn vị hành chính mới				
1.3	Các thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao công đoàn phục vụ cho công nhân tại các khu kinh tế, khu công nghiệp		x		Địa bàn có khu kinh tế, công nghiệp
2	Các cơ sở thể dục, thể thao ngoài công lập				
2.1	Trung tâm đào tạo, huấn luyện thể dục, thể thao cấp tỉnh				
2.2	Khu thiết chế văn hóa thể thao trung tâm xã Quảng Thọ	1		x	Huyện Quảng Điền
2.3	Khu thiết chế văn hóa - thể thao trung tâm xã Quảng Thái	1		x	Huyện Quảng Điền
2.4	Khu thiết chế văn hóa - thể thao trung tâm xã Quảng Ngạn	1		x	Huyện Quảng Điền
2.5	Xây dựng sân bóng đá mi ni, bể bơi, khu thương mại dịch vụ	1	x		Thị xã Hương Trà
2.6	Dự án xây dựng Trung tâm dịch vụ thể thao vui chơi giải trí kết hợp ở tại khu hồ nước trung tâm thị xã Hương Trà: Khu văn hóa - thể thao - ở - thương mại - du lịch trung tâm thị xã	1	x		Thị xã Hương Trà
2.7	Trung tâm thể dục thể thao phường Trường An	1	x		Thành phố Huế
2.8	Kêu gọi đầu tư các khu thể thao, sân bóng đá, khu tập luyện thể dục thể thao trong các khu quy hoạch, khu đô thị cụm dân cư tập trung	1	x		Tại các địa phương

B. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN SÂN GÔN

STT	Tên dự án	Địa điểm
I	**Các khu đang thực hiện**	
1	Khu quần thể sân gôn - Làng du lịch sinh thái phong cảnh Việt Nam	Thị xã Hương Thủy
2	Sân Golf Khu du lịch Laguna Huế	Huyện Phú Lộc
3	Khu du lịch nghỉ dưỡng, sân gôn Lăng Cô	Huyện Phú Lộc
4	Sân gôn quốc tế, khu dịch vụ phụ trợ, khu biệt thự nghỉ dưỡng tại xã Vinh Xuân	Huyện Phú Vang
II	**Các khu quy hoạch mới**	
1	Dự án Khu đô thị sân gôn Hồ Châu Sơn	Thị xã Hương Thủy
2	Khu du lịch nghỉ dưỡng, sân gôn cao cấp	Huyện Phong Điền
3	Khu du lịch nghỉ dưỡng, sân gôn cao cấp Vinh Xuân	Huyện Phú Vang
4	Khu du lịch nghỉ dưỡng, bảo tàng thiên nhiên và sân gôn Ngũ Hồ	Huyện Phong Điền
5	Khu đô thị, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái và sân gôn	Thành phố Huế, thị xã Hương Trà
6	Tổ hợp khu du lịch nghỉ dưỡng đô thị, sân gôn Phong Điền	Huyện Phong Điền
7	Khu du lịch sinh thái và sân gôn Thanh Tân	Huyện Phong Điền
8	Khu sân gôn và dịch vụ đi kèm Thủy Dương	Thị xã Hương Thủy
9	Khu du lịch sinh thái và sân gôn Hồ Truồi	Huyện Phú Lộc
10	Khu du lịch nghỉ dưỡng - sân gôn La Vân	Huyện Nam Đông
11	Khu du lịch dịch vụ nghỉ dưỡng - sân gôn Thác Phướn	Huyện Nam Đông

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục XIV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TỈNH THỪA THIÊN HUẾ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Số cơ sở	Tình trạng
I	**Khối đại học**		
1	Đại học Huế	1	
2	Trường Đại học Phú Xuân	1	
3	Học viện Âm nhạc	1	
4	Trường Đại học ngoài công lập	1	Dự kiến thành lập mới
II	**Giáo dục nghề nghiệp**		
1	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	15	
1.1	Trường cao đẳng*	3	
1.2	Trường trung cấp	1	Trường Trung cấp Công nghệ số 10
1.3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	02	02 trung tâm giáo dục nghề nghiệp huyện miền núi (A Lưới, Nam Đông)
1.4	Cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp	09	Các trung tâm, các đơn vị
2	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập	16	
2.1	Trường cao đẳng	3	Trường Cao đẳng Âu Lạc, Trường cao đẳng FPT
			Dự kiến thành lập mới 01 trường
2.2	Trường trung cấp	1	Trường Trung cấp Kinh tế - Du lịch Duy Tân
2.3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	12	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp
3	Cơ sở giáo dục chuyên biệt		
III	**Hoạt động dịch vụ việc làm**	**38**	
1	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh	9	Xây dựng mạng lưới tại các địa phương
2	Cơ sở đào tạo huấn luyện an toàn vệ sinh lao động	19	Mở rộng, thành lập mới tại các địa phương

STT	Danh mục	Số cơ sở	Tình trạng
3	Kiểm định an toàn vệ sinh lao động	1	Thành lập mới 01
4	Đơn vị cung ứng dịch vụ việc làm	10	Thành lập mới

Ghi chú:

(*) Giai đoạn 2021 - 2025: 04 trường cao đẳng (Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế; Trường Cao đẳng Du lịch Huế; Cao đẳng Y tế Huế, Trường Cao đẳng Huế). Giai đoạn 2026 - 2030: Có 03 trường cao đẳng chất lượng cao gồm: Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế; Trường Cao đẳng Du lịch Huế; Trường Cao đẳng Huế. Trong đó, có 01 trường thực hiện chức năng Trung tâm đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

Giai đoạn 2026 - 2030: Có 03 trường cao đẳng chất lượng cao gồm: Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế, Trường cao đẳng Du lịch Huế, Trường Cao đẳng Huế (sáp nhập Trường Cao đẳng Y tế Huế, Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật Thừa Thiên Huế vào thành một khoa trường Cao đẳng Huế).

- Về quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư của các dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN Y TẾ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên đơn vị	Hạng	Số giường bệnh		
			2020	2025	2030
I	**Bộ, ngành**		**4.412**	**7.800**	**10.000**
1	Bệnh viện Trung ương Huế	ĐB	3.683	5.000	6.000
1.1	Bệnh viện Trung ương Huế cơ sở 2		500	1.500	2.000
1.2	Bệnh viện Trung ương Huế cơ sở 3		-	500	1.000
2	Bệnh viện Trường đại học y dược	I	700	800	1.000
3	Trung tâm pháp y tâm thần miền Trung[1]				
II	**Tuyến tỉnh**		**670**	**1.130**	**2.170**
1	Bệnh viện Da liễu	II	40	70	120
2	Bệnh viện Phổi	II	50	100	150
3	Viện Thái Y Huế (trên cơ sở Bệnh viện Y học Cổ truyền)	I	100	250	400
4	Bệnh viện phục hồi chức năng	I	100	150	250
4.1	Cơ sở 1				
4.2	Cơ sở 2[2]				
5	Bệnh viện Mắt Huế	II	80	150	200
6	Bệnh viện Răng Hàm Mặt	II	50	50	50
7	Bệnh viện Tâm thần	II	70	90	100
8	Bệnh viện Đa khoa Bình Điền	II	50	70	100
9	Bệnh viện Sản - Nhi		-		150
10	Bệnh viện Giao thông vận tải[3]	II	130	200	500
11	Bệnh viện Nhiệt đới				150
III	**Tuyến huyện**		**990**	**1.620**	**1.950**
1	Trung tâm y tế thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2030 thành trung tâm y tế quận phía Bắc	I	145	300	300

[1] Vị trí quy hoạch tại bệnh viện Quân y 268 cũ.
[2] Vị trí quy hoạch tại Trung tâm y tế thành phố Huế.
[3] Định hướng Bệnh viện quận phía Nam.

STT	Tên đơn vị	Hạng	Số giường bệnh		
			2020	2025	2030
2	Trung tâm y tế quận phía Nam	I			200
3	Trung tâm y tế Phong Điền	II	80	100	100
4	Trung tâm y tế Quảng Điền	II	80	100	100
5	Trung tâm y tế Hương Trà	II	100	150	150
6	Trung tâm y tế Phú Vang	I	170	400	500
7	Trung tâm y tế Phú Lộc	I	135	300	300
8	Trung tâm y tế Phú Lộc, cơ sở Chân Mây		70		
9	Trung tâm y tế Hương Thủy	II	80	120	150
10	Trung tâm y tế Nam Đông	II	50	100	150
11	Trung tâm y tế A Lưới	I	80	150	200
IV	**Trạm y tế (tuyến cơ sở bố trí theo đơn vị hành chính cấp xã)**			141TYT	Bố trí tối thiểu 1 trạm y tế/ đơn vị hành chính cấp xã
V	**Cơ sở y tế ngoài công lập**			**1.160**	**2.200**
1	Cơ sở y tế hiện có			160	200
1.1	Bệnh viện đa khoa Hoàng Viết Thắng			70	100
1.2	Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình - Phẫu thuật tạo hình Huế			90	100
2	Cơ sở y tế bổ sung			1.000	2.000
2.1	Bệnh viện đa khoa tối thiểu 300 giường tại các khu đô thị mới theo quy hoạch			500	1.000
2.2	Các bệnh viện chuyên khoa tại các khu đô thị mới theo quy hoạch			500	1.000
VI	**Cơ sở y tế dự phòng**			**-**	**-**
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC)				
VII	**Các cơ sở y tế khác**		**-**	**-**	**-**
1	Cơ sở hiện có				
1.1	Phòng Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh				
1.2	Trung tâm Giám định Y khoa - Pháp Y				
1.3	Trung tâm Vận chuyển cấp cứu 115[4]				

[4] Định hướng trở thành Trung tâm cứu hộ cứu nạn miền Trung.

STT	Tên đơn vị	Hạng	Số giường bệnh		
			2020	2025	2030
1.4	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm				
1.5	Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm				
1.6	Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình				
2	Quy hoạch mới				
2.1	Trung tâm khám chữa bệnh, điều dưỡng chăm sóc sức khỏe cho người già và nghiên cứu khoa học				
2.2	Hạ tầng khu y tế công nghệ cao phục vụ khám, chữa bệnh kết hợp với du lịch nghỉ dưỡng, cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo tiêu chuẩn quốc tế				
2.3	Trung tâm Cứu hộ, cứu nạn miền Trung				

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XVI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ ĐIỀU DƯỠNG, CHĂM SÓC NGƯỜI CÓ CÔNG, TRỢ GIÚP XÃ HỘI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Số cơ sở	Cơ sở/Địa điểm
I	**Các cơ sở đã có**		
1	Cơ sở trợ giúp xã hội		
1.1	Trung tâm Bảo trợ xã hội	1	Thành phố Huế
1.2	Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em	1	Thành phố Huế
1.3	Cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	21	Các địa phương
2	Cơ sở điều dưỡng, chăm sóc người có công		
	Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công	2	
II	**Quy hoạch mới**		
1	Cơ sở trợ giúp xã hội công lập đầu tư mở rộng	5	
1.1	Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi chất lượng cao	1	Các địa phương
1.2	Cơ sở chăm sóc người khuyết tật	1	Các địa phương
1.3	Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp vùng	1	Các địa phương
1.4	Cơ sở chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và rối nhiễu tâm trí	1	Các địa phương
1.5	Cơ sở cai nghiện ma túy	1	Các địa phương
2	Cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập	6	
2.1	Cơ sở trợ giúp người cao tuổi	2	Thành phố Huế, các thị xã
2.2	Cơ sở nuôi dưỡng người khuyết tật	2	Thành phố Huế, các thị xã
2.3	Cơ sở nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2	Thành phố Huế, các thị xã
2.4	Cơ sở cai nghiện ma túy	1	Thành phố Huế, các thị xã

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XVII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục đầu tư	Địa điểm	Quy mô đầu tư	Giai đoạn đầu tư 2021 - 2030	
				2021 - 2025	2025 - 2030
1	Trung tâm thương mại - Dịch vụ - Giải trí - Văn hóa	Thành phố Huế	Hạng 2	X	
2	Trung tâm thương mại Phạm Văn Đồng	Thành phố Huế	Hạng 1	X	
3	Trung tâm Thương mại Aeon Huế	Thành phố Huế	Hạng 3	X	
4	Trung tâm thương mại An Hòa	Thành phố Huế	Hạng 3		X
5	Trung tâm thương mại Kim Long - Hương Long	Thành phố Huế	Hạng 3		X
6	Trung tâm thương mại Thủy Xuân	Thành phố Huế	Hạng 2		X
7	Trung tâm thương mại Thuận An	Thành phố Huế	Hạng 2		
8	Trung tâm thương mại Phú Bài	Thị xã Hương Thủy	Hạng 2	X	
9	02 trung tâm thương mại	Thị xã Hương Thủy	Hạng 2		X
10	Trung tâm thương mại Tứ Hạ	Thị xã Hương Trà	Hạng 2		X
11	Trung tâm thương mại Hương Chữ	Thị xã Hương Trà	Hạng 3		X
12	Trung tâm thương mại Phong Điền	Huyện Phong Điền	Hạng 3		X
13	Trung tâm thương mại An Lỗ	Huyện Phong Điền	Hạng 3		X
14	Trung tâm thương mại Điền Lộc	Huyện Phong Điền	Hạng 3		X
15	Trung tâm thương mại Sịa	Huyện Quảng Điền	Hạng 3	X	
16	Trung tâm thương mại Vinh Thanh	Huyện Phú Vang	Hạng 3		X
17	Trung tâm thương mại Phú Lộc	Huyện Phú Lộc	Hạng 3		X
18	Trung tâm thương mại khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	Huyện Phú Lộc	Hạng 3	X	

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XVIII

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT CỦA THỪA THIÊN HUẾ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tỉnh đề xuất theo nhu cầu phát triển (ha)
				Diện tích đến năm 2030 (ha)	Chênh lệch so với hiện trạng (ha)	
I	**Loại đất**		**494.711**	**494.711**	**0**	**494.711**
1	Đất nông nghiệp	NNP	401.565	391.727	-9.838	383.353
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	31.925	28.497	-3.428	28.497
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	28.923	27.497	-1.426	27.497
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	26.626			25.509
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	85.879	84.786	-1.093	84.786
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	97.326	102.151	4.825	102.151
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	142.889	130.681	-12.208	124.763
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	49.098	48.915	-183	48.915
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	87.083	101.064	13.981	108.786
	Trong đó:					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.405	2.132	727	2.395
2.2	Đất an ninh	CAN	1.746	2.265	519	1.849
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.362	2.678	1.316	6.437
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	174			1.324
2.5	Đất thương mại. dịch vụ	TMD	1.109			5.263
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	470			684

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tỉnh đề xuất theo nhu cầu phát triển (ha)
				Diện tích đến năm 2030 (ha)	Chênh lệch so với hiện trạng (ha)	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	718			2.362
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	38.088	34.527		42.975
	Trong đó:					
-	Đất giao thông	DGT	10.782	13.980	3.198	13.534
-	Đất thủy lợi	DTL	7.376			7.722
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	121	384	263	311
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	91	205	114	133
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	810	1.339	529	1.027
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	217	439	222	562
-	Đất công trình năng lượng	DNL	8.217	9.648	1.431	9.019
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	13	30	17	15
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	0			8
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	266			294
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	9.530			9.120
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	447	505	58	587
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	94	271	177	283
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	41			201
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	17			41
-	Đất chợ	DCH	65			119
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0			

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tỉnh đề xuất theo nhu cầu phát triển (ha)
				Diện tích đến năm 2030 (ha)	Chênh lệch so với hiện trạng (ha)	
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	6.399			6.406
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	3.489			6.966
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	166			230
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	52			64
2.14	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0			
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6.063	1.920	-4.143	2.572
II	**Khu chức năng**					
1	Đất khu công nghệ cao	KCN				1.421
2	Đất khu kinh tế	KKT		37.292	37.292	37.292
3	Đất đô thị	KDT		78.533	78.533	89.349
4	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN				53.006
5	Khu lâm nghiệp	KLN				313.818
6	Khu du lịch	KDl				7.234
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT				115.117
8	Khu phát triển công nghiệp	KPC				7.865
9	Khu đô thị	DTC				33.8
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM				5.334
11	Khu dân cư nông thôn	DNT				149.838

Ghi chú:

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã được phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

- Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

Phụ lục XIX

PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG; KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

STT	Tên vùng	Tiểu vùng	Ký hiệu	Ranh giới
I	**Vùng bảo vệ nghiêm ngặt**		**N**	
1	Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm: nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị	Nội thành thành phố Huế (đô thị loại I), Thị xã Hương Thủy và Khu đô thị Chân Mây (dự kiến được quy hoạch thành đô thị loại III hoặc cao hơn)		Toàn bộ diện tích các phường của thành phố Huế; thị xã Hương Thủy và Khu đô thị Chân Mây
1.1		29 phường của thành phố Huế	**N1**	
1.2		Thị xã Hương Thủy	**N2**	
1.3		Đô thị Chân Mây	**N3**	
2	Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	24 nguồn nước hiện đang được khai thác cho mục đích cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh (sông Hương; sông Thừa Lưu; hồ Thủy Yên; suối Cha po; suối Py lo; suối Pa Rốc; sông Tả Trạch; khe A Kỳ; suối Thượng Ngàn; suối Tóc; suối Tà Rê và suối A Nô; suối Pa Rốc; suối Pập; sông Hữu Trạch; suối Tranh và suối Máu; suối A Pá; suối Khe Me; khe Su; suối C Ruồi; suối Khe Lớn; suối Ba Khe;	**N4**	Phạm vi bảo vệ các nguồn nước được căn cứ theo Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt

STT	Tên vùng	Tiểu vùng	Ký hiệu	Ranh giới
		khe Mệ; khe Bô Ghe; khe Aki); sông Bồ, sông Ô Lâu và một số sông, suối khác		
3	Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản.	Các khu bảo tồn thiên nhiên: khu bảo tồn đất ngập nước Tam Giang - Cầu Hai; vườn quốc gia Bạch Mã; khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền; khu bảo tồn Sao La; Hành lang đa dạng sinh học kết nối khu bảo tồn Sao La với khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền (đang thí điểm); khu vực đa dạng sinh học cao vùng Sơn Chà - Hải Vân (thành lập khu bảo tồn biển trước 2030); rừng phòng hộ Bắc Hải Vân (thành lập rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan trước 2030) và khu vực Tam Giang - Bạch Mã (thành lập Công viên địa chất toàn cầu sau 2030)	**N5**	Toàn bộ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên được căn cứ theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản
4	Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa	Các di tích lịch sử - văn hóa đã được và sẽ được công nhận: - 03 di tích cấp quốc gia đặc biệt: (i) Quần thể di tích Cố đô Huế; (ii) Di tích lịch sử Đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh; (iii) Hệ thống di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Thừa Thiên Huế. - 86 di tích cấp quốc gia. - 84 di tích cấp tỉnh. - Các di tích thuộc Danh mục Kiểm kê di tích sẽ được công nhận trong thời gian sắp đến của tỉnh Thừa Thiên Huế.	**N6**	Toàn bộ diện tích của các khu vực bảo vệ 1 theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010

STT	Tên vùng	Tiểu vùng	Ký hiệu	Ranh giới
II	**Vùng hạn chế phát thải**	**Tiểu vùng**	**H**	
1	Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt nêu trên (nếu có)	Vùng đệm các khu bảo tồn thiên nhiên đã được nêu ở vùng bảo vệ nghiêm ngặt	**H1**	Toàn bộ diện tích vùng đệm của các khu bảo tồn nêu trên đã được pháp luật quy định
2	Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt của 24 nguồn nước được khai thác cho mục đích cấp nước sinh hoạt và một số sông suối khác	**H2**	Phạm vi hành lang bảo vệ các nguồn nước mặt được căn cứ theo Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015
3	Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị	Các khu vực nội thị của đô thị loại IV và loại V bao gồm các phường nội thị của thị xã Hương Thủy và Hương Trà, thị trấn Phú Đa, thị trấn Phong Điền, thị trấn Sịa, thị trấn Phú Lộc, thị trấn Lăng Cô, thị trấn A Lưới và thị trấn Khe Tre, các đô thị mới La Sơn, Vinh Thanh và Phong An Đến năm 2030, Thừa Thiên Huế sẽ có thêm ít nhất 6 đô thị mới loại V, bao gồm: Phú Mỹ, Thanh Hà, Vinh Hiền và Vinh Hưng, Hồng Vân và Lâm Đớt	**H3**	Toàn bộ diện tích: □ 05 phường thị xã Hương Thủy: Phú Bài, Thủy Châu, Thủy Dương, Thủy Lương, Thủy Phương □ 05 phường thị xã Hương Trà: Hương Chữ, Hương Văn, Hương Vân, Hương Xuân, Tứ Hạ □ Các đô thị: A Lưới, Khe Tre, Phong Điền, Phú Lộc, Lăng Cô, Phú Đa, Sịa, Vinh Thanh, La Sơn và Phong An
4	Khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước trên sông Hương	**H4**	Toàn bộ diện tích khu vực hoạt động vui chơi giải trí dưới nước cho các phương tiện không gắn động cơ theo Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 11/5/2022

STT	Tên vùng	Tiểu vùng	Ký hiệu	Ranh giới
5	Khu vực có yếu tố nhạy cảm khác cần được bảo vệ	Khu vực bảo vệ 2 của toàn bộ di tích lịch sử - văn hóa nêu trên	**H5**	Toàn bộ diện tích của các khu vực bảo vệ 2 theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010
III	**Vùng khác**		**K**	
1	Vùng công nghiệp: Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm cảng	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và cụm cảng ở thành phố Huế, các thị xã, huyện	**K1**	Toàn bộ diện tích các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm cảng trên địa bàn Thừa Thiên Huế
2	Vùng thương mại - dịch vụ	Các khu vực thương mại - dịch vụ ở thành phố Huế, các thị xã và huyện	**K2**	Toàn bộ diện tích thương mại - dịch vụ ở Thừa Thiên Huế
3	Các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh không thuộc danh mục liệt kê tại các mục nêu trên	Các vùng còn lại	**K3**	Diện tích còn lại

B. DANH MỤC KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

STT	Tên khu bảo tồn	Tổng diện tích (ha)	Phân loại	Cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Đề xuất phân loại, phân hạng, phân cấp	Hiện trạng quản lý	Ghi chú
1	Sao La	15.324,3	Trên cạn	Tỉnh	2030	Chuyển hạng thành khu bảo tồn thiên nhiên	Đang được ban quản lý khu bảo tồn Sao La và ban quản lý rừng phòng hộ A Lưới quản lý Sẽ mở rộng thêm bằng việc sát nhập một số diện tích rừng ở Nam Đông và A Lưới	Quy hoạch chuyển tiếp

STT	Tên khu bảo tồn	Tổng diện tích (ha)	Phân loại	Cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Đề xuất phân loại, phân hạng, phân cấp	Hiện trạng quản lý	Ghi chú
2	Bắc Hải Vân	11.591,4	Trên cạn	Tỉnh	2030	Chuyển hạng từ rừng phòng hộ sang rừng đặc dụng với loại hình là Khu bảo vệ cảnh quan	Đang được quản lý bởi ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân	Quy hoạch chuyển tiếp
3	Tam Giang - Bạch Mã	160.000	Trên cạn	Trung ương - Tỉnh	2050	Công viên địa chất toàn cầu	Trung ương - Các ban quản lý khu bảo tồn và các sở ban ngành địa phương liên quan	Thành lập mới
4	Trung tâm bảo tồn Tài nguyên thiên nhiên Việt Nam và cứu hộ động, thực vật thuộc Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam	175	Trên cạn	Trung ương	2030	Trung tâm bảo tồn và cứu hộ	Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam (Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam)	Thành lập mới
5	Trung tâm cứu hộ gấu Việt Nam cơ sở II (tại vườn quốc gia Bạch Mã)	12	Trên cạn	Trung ương	2030	Trung tâm cứu hộ	Vườn quốc gia Bạch Mã	Thành lập mới

STT	Tên khu bảo tồn	Tổng diện tích (ha)	Phân loại	Cấp quản lý	Phân kỳ quy hoạch	Đề xuất phân loại, phân hạng, phân cấp	Hiện trạng quản lý	Ghi chú
6	Tái thả động vật hoang dã về dãy Trường Sơn	0,95	Trên cạn	Trung ương	2030	Trung tâm cứu hộ	Vườn quốc gia Bạch Mã	Thành lập mới
7	Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tam Giang - Cầu Hai	2.071,5	Đất ngập nước	Tỉnh	2050	Khu Ramsar	Tỉnh	Quy hoạch chuyển tiếp
8	Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học ARA BIRD GARDEN	01	Trên cạn	Tỉnh	2030	Cơ sở bảo tồn	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khu du lịch Sinh thái Vedana	Thành lập mới
9	Khu bảo tồn biển Sơn Chà	Chưa có số liệu	Biển	Tỉnh	2030	Khu bảo tồn biển Bắc Hải Vân - Sơn Chà	Tỉnh	Thành lập mới

C. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

STT	Thành phần môi trường	Số điểm quan trắc	
		Hiện trạng	Đến năm 2030
1	Môi trường nước mặt	118	194
2	Môi trường nước dưới đất	27	58
3	Môi trường không khí xung quanh	72	115
4	Môi trường đất	28	51
5	Môi trường nước biển ven bờ	17	26
6	Môi trường nước thải	20	23
7	Trầm tích	24	60

Phụ lục XX

PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. QUY HOẠCH THĂM DÒ, KHAI THÁC, CHẾ BIẾN VÀ SỬ DỤNG CÁC LOẠI KHOÁNG SẢN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 866/QĐ-TTG NGÀY 18 THÁNG 7 NĂM 2023 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

STT	Loại khoáng sản	Số mỏ dự kiến	Đơn vị tính	Trữ lượng dự kiến			Ghi chú
				Trữ lượng	Tài nguyên + TNDB	Cộng	
1	Quặng titan (quặng Iimenit nguyên khai)	2	1.000 tấn	344	3.734	4.078	Tổng Zircon: 418
2	Quặng sắt (quặng nguyên khai)	1	tấn	1.506.000		1.506.000	
3	Quặng vàng	2	kg		9.051	9.051	
4	Pyrit		1.000 tấn		376	376	
5	Quarzit	1	1.000 tấn		19.875	19.875	
6	Nước khoáng, nước nóng thiên nhiên (quặng nguyên khai)	4	tấn	200	1.975	2.175	

B. QUY HOẠCH CÁC LOẠI KHOÁNG SẢN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

STT	Loại khoáng sản	Số lượng khu vực dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
1	Cát nội đồng làm vật liệu xây dựng thông thường	1	20,38	Hiện có
2	Cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	1	11,40	Hiện có
3	Đá làm ốp lát	1	8,00	Hiện có
4	Đá làm vật liệu xây dựng	1	13,40	Hiện có
5	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	31	223,81	Hiện có

STT	Loại khoáng sản	Số lượng khu vực dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
6	Đá sét	12	167,05	Hiện có
7	Đất sét	44	1.027,37	Hiện có
8	Đất làm vật liệu san lấp	45	1.036,94	Hiện có
9	Than bùn	3	149,01	Hiện có
10	Khu vực dự kiến bổ sung: Vật liệu xây dựng thông thường và than bùn	87	900,00	Bổ sung

C. QUY HOẠCH THĂM DÒ, KHAI THÁC, CHẾ BIẾN VÀ SỬ DỤNG CÁC LOẠI KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1626/QĐ-TTG NGÀY 15 THÁNG 12 NĂM 2023 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

TT	Loại khoáng sản	Số lượng khu vực dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
1	Đá vôi làm xi măng	4	1.409,89	Bổ sung 190 ha
2	Sét làm xi măng	3	155,38	Hiện có
3	Phụ gia xi măng	1	29,87	Hiện có
4	Đá làm ốp lát, mỹ nghệ	4	158,9	Hiện có
5	Cao lanh, felspat	1	10,07	Hiện có
6	Cát trắng	20	2.747,68	Bổ sung: 948,95 ha

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ quy hoạch cấp cao hơn, phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan để rà soát, xác định và điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển của tỉnh và các quy định hiện hành. Đối với một số khu vực mỏ khoáng sản dự kiến khai thác sau năm 2030, trường hợp đủ điều kiện và huy động được nguồn lực đầu tư thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho phép triển khai sớm hơn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Phụ lục XXI
DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH

STT	Tên dự án
I	**Các dự án trung ương đầu tư**
1	Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông
2	Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam
3	Nâng cấp quốc lộ 49A đoạn Thuận An - A Lưới
4	Nâng cấp cửa khẩu Hồng Vân - Cô Tài và cửa khẩu A Đớt - Tà Vàng trở thành các cửa khẩu quốc tế
5	Quốc lộ 49D từ Cảng Điền Lộc đến quốc lộ 49, Hương Trà
6	Mở rộng hầm Phước Tượng, Phú Gia
7	Nâng cấp Sân bay Quốc tế Phú Bài
8	Nâng cấp tuyến vận tải thủy chính tuyến phá Tam Giang đến đầm Cầu Hai đạt tiêu chuẩn cấp III
9	Dự án hồ chứa nước Thủy Cam
10	Dự án hồ chứa nước Ô Lâu Thượng
11	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện quốc tế cơ sở 2
12	Xây dựng Viện Công nghệ sinh học - Đại học Huế tại thị xã Hương Trà
13	Xây dựng, nâng cấp đập ngăn mặn Cửa Lác, kết hợp giao thông đường bộ (nối quốc lộ 49B - đường Tây phá)
14	Dự án sửa chữa, nâng cấp đập Thảo Long (nâng cấp thay mới 10 cửa van và thiết bị đóng mở dự phòng)
II	**Các dự án tỉnh quản lý đầu tư**
1	Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thừa Thiên Huế và cầu qua cửa Thuận An
2	Đường La Sơn - Chân Mây
3	Chống sạt lở bờ biển, bờ sông (sông Hương, sông Bồ, sông Ô Lâu, sông Nong, sông Truồi, sông Cầu Hai, sông Bù Lu…)
4	Đê chắn sóng phía Tây cảng Chân Mây

STT	Tên dự án
5	Đê chắn sóng phía Bắc cảng Chân Mây (giai đoạn 3)
6	Đường và cầu Hà Trung (đường La Sơn - Hà Trung)
7	Cầu Vĩnh Tu
8	Cầu nối Phú Đa đi xã Vinh Xuân
9	Tuyến Tây phá Tam Giang - Cầu Hai từ Phong Bình (Phong Điền) - Vinh Hiền (Phú Lộc)
10	Nâng cấp đường 74 (Nam Đông - A Lưới)
11	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối huyện Quảng Điền và thị xã Hương Trà; tuyến đường huyện Quảng Điền kết nối với thành phố Huế; tuyến đường kết nối trung tâm huyện Phú Vang với thành phố Huế
12	Hệ thống đường thủy nội địa kết nối Khu Lăng Cô - Cảnh Dương đến vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai
13	Nhựa hóa, bê tông hóa 100% đường huyện xã
14	Xây dựng Tuyến kênh từ hồ Hòa Mỹ cấp nước vùng cát Phong Quảng Điền
15	Tuyến kênh từ cống đập Tả Trạch xuống sông Nông 1,52m^3/s, chiều dài tuyến dự kiến 5,7 km
16	Tuyến ống chuyển nước từ hồ Truồi sang vùng Nam Phú Lộc cấp cho khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô
17	Hệ thống thu gom nước thải và Nhà máy xử lý nước thải khu vực Bắc Sông Hương
18	Khu xử lý chất thải rắn tập trung phía Bắc tại xã Hương Bình, thị xã Hương Trà
19	Cải tạo, nâng công suất các nhà máy nước hiện có. Đầu tư xây mới các nhà máy nước: Lộc Bổn, Hương Vân, Phong Thu 2, Lộc Thủy, Nam Đông 2, A Sáp, A Lin, Lâm Đớt,... và một số nhà máy (trạm) cấp nước sạch khác tại các địa phương vùng sâu, vùng xa có địa hình bị chia cắt
20	Dự án di dời dân cư khu vực 1 Kinh thành Huế và dân cư sinh sống trong các công trình di tích còn lại
21	Dự án xây dựng các khu tái định cư phục vụ di dời dân cư khu vực 1 Kinh thành Huế và dân cư sinh sống trong các công trình di tích còn lại
22	Trùng tu Quần thể di tích Cố đô Huế và các dự án khác theo Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
23	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Điều phối ghép tạng và Bảo trì ghép mô
24	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm các Trường - Viện tại khu đô thị An Vân Dương

STT	Tên dự án
25	Hạ tầng Khu quy hoạch Đại học Huế tại Trường Bia
26	Dự án "Đầu tư hạ tầng Bảo tàng thiên nhiên duyên hải miền Trung"
27	Hạ tầng Khu công nghệ thông tin tập trung (Chuỗi công viên phần mềm Quang Trung)
28	Đô thị Phong Điền
29	Đô thị Chân Mây Lăng Cô
30	Đường 71 (Phong Điền - A Lưới)
31	Quốc lộ 49E từ quốc lộ 1, Phú Lộc đến Cửa khẩu A Đớt
32	Quốc lộ 49F từ quốc lộ 49B, Phong Điền đến Cửa khẩu Hồng Vân

B. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH

STT	Tên dự án	Địa điểm
I	**Các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, giao thông**	
1	Các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, làng nghề	Các địa phương
2	Cầu cảng, bến cảng Phong Điền	Phong Điền
3	Các dự án đầu tư cầu cảng, bến cảng tại khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô; các dự án cảng chuyên dụng phục vụ các dự án năng lượng	Phong Điền, Phú Lộc
4	Xây dựng các bến thủy nội địa vùng đầm phá, sông ngòi	Các địa phương
II	**Đầu tư sản xuất công nghiệp, năng lượng**	
1	Dự án Kho, cảng LNG Chân Mây	Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô
2	Khu liên hợp sản xuất công nghiệp kính	Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô
3	Trung tâm hóa dầu công nghiệp Phong Điền	Huyện Phong Điền
4	Nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp và kho cảng LNG Phong Điền	Huyện Phong Điền
5	Nhà máy xi măng Phong Điền và vùng nguyên liệu	Huyện Phong Điền
6	Điện mặt trời Phong Hòa	Huyện Phong Điền
7	Tổ hợp sản xuất, lắp ráp ô tô	Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô

STT	Tên dự án	Địa điểm
8	Tổ hợp nhà máy sản xuất điện tử, linh kiện điện, điện lạnh, điện tử gia dụng	Các địa phương
9	Tổ hợp nhà máy sản xuất dụng cụ, vật tư y tế; dụng cụ thể dục, thể thao	Các địa phương
10	Dự án chế biến sâu từ cát trắng	Các địa phương
11	Dự án sản xuất đồ uống, chế biến thực phẩm	Các địa phương
12	Nhà máy chế biến dược liệu, thuốc, mỹ phẩm	Các địa phương
13	Dự án công nghiệp chế biến chế tạo, cơ khí chính xác	Các địa phương
14	Nhà máy điện sinh khối Hương Trà	Thị xã Hương Trà
15	Dự án Nhà máy Thép xanh Chân Mây	Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô
16	Tổ hợp Nhà máy cán nguội chế biến sâu	Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô
17	Dự án Nhà máy điện khí LNG và Trạm điện 500 KV	Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô
18	Dự án Nhà máy sản xuất Hydro	Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô
19	Dự án hệ thống băng tải vận chuyển than đá từ A Lưới đến Phong Điền (bao gồm các kho bãi tập kết và các hạng mục phụ trợ khác)	Huyện A Lưới, huyện Phong Điền
III	**Thương mại - dịch vụ, du lịch**	
1	Tổ hợp thương mại dịch vụ tại khu đất ký hiệu TM-DV4 nút giao vòng xuyến Võ Nguyên Giáp - Tố Hữu	Khu đô thị mới An Vân Dương
2	Vòng xoay trên không tại nút giao vòng xuyến Võ Nguyên Giáp - Tố Hữu	Khu đô thị mới An Vân Dương
3	Khách sạn, resort tiêu chuẩn 5 sao tại phường Thủy Vân	Khu đô thị mới An Vân Dương
4	Trung tâm bảo dưỡng máy bay	Thị xã Hương Thủy
5	Khu du lịch nghỉ dưỡng Phú Diên 1, 2, 3, 4	Huyện Phú Vang
6	Khu phức hợp du lịch, nghỉ dưỡng kết hợp khu dân cư Điền Hòa	Huyện Phong Điền
7	Trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp phía Bắc (Bàu Co)	Huyện Phong Điền
8	Khu du lịch sinh thái và sân gôn Thanh Tân	Huyện Phong Điền

STT	Tên dự án	Địa điểm
9	Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng kết hợp dân cư Vinh Hải	Huyện Phú Lộc
10	Khu du lịch nghỉ dưỡng Vinh Hiền	Huyện Phú Lộc
11	Khu dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp ở Bạch Mã	Huyện Phú Lộc
12	Dự án khách sạn cao cấp tại khu đất 22 - 24 - 26 - 30A Lê Lợi	Thành phố Huế
13	Dự án Tổ hợp thương mại dịch vụ, khách sạn cao cấp tại số 8 - 10 Phan Bội Châu và 19 Nguyễn Huệ, thành phố Huế	Thành phố Huế
14	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Quảng Công	Huyện Quảng Điền
15	Khu đô thị sân gôn Hương Thủy	Thị xã Hương Thủy
16	Khu sân gôn và dịch vụ đi kèm Hương Thủy	Thị xã Hương Thủy
17	Khu du lịch nghỉ dưỡng, sân gôn cao cấp	Huyện Phong Điền
18	Khu du lịch nghỉ dưỡng, bảo tàng thiên nhiên và sân gôn Ngũ Hồ	Huyện Phong Điền
19	Tổ hợp khu du lịch nghỉ dưỡng đô thị, sân gôn Phong Điền	Huyện Phong Điền
20	Khu du lịch nghỉ dưỡng, sân gôn cao cấp Phú Vang	Huyện Phú Vang
21	Khu đô thị, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái và sân gôn	Thành phố Huế, thị xã Hương Trà
22	Khu du lịch sinh thái và sân gôn Phú Lộc	Huyện Phú Lộc
23	Khu du lịch nghỉ dưỡng - sân gôn Nam Đông	Huyện Nam Đông
24	Khu du lịch dịch vụ nghỉ dưỡng - sân gôn Nam Đông	Huyện Nam Đông
25	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hai Nhất - Ta Rinh	Huyện Nam Đông
26	Khu du lịch Lăng Cô, đầm Lập An, Bãi Cả, Bãi Chuối, Hói Dừa, Hói Mít, Cảnh Dương,…	Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô
IV	**Giáo dục, dạy nghề, y tế**	
1	Thành phố giáo dục quốc tế	Khu đô thị mới An Vân Dương
2	Tổ hợp giáo dục tại khu E	Khu đô thị mới An Vân Dương
3	Dự án giáo dục tại khu đất có ký hiệu GD09, phường Hương Sơ	Thành phố Huế
4	Trường học quốc tế chất lượng cao	Thị xã Hương Thủy
5	Bệnh viện Quốc tế	Khu đô thị mới An Vân Dương

STT	Tên dự án	Địa điểm
6	Khu Y tế công nghệ cao	Khu đô thị mới An Vân Dương
7	Trung tâm chăm sóc sức khỏe	Thành phố Huế và vùng phụ cận
8	Khu y tế kết hợp nghỉ dưỡng	Huyện Phong Điền
V	**Văn hóa, thể thao, môi trường**	
1	Khu văn hóa đa năng tại Khu đất CV1-CV3	Thành phố Huế
2	Dự án tại khu đất có ký hiệu TH4 thuộc khu A - khu đô thị An Vân Dương	Khu đô thị mới An Vân Dương
3	Khu văn hóa đa năng ngoài công lập Thủy Xuân	Thành phố Huế
4	Khu không gian văn hóa Bãi bồi Lương Quán	Thành phố Huế
5	Các trung tâm văn hóa chuyên đề, bảo tàng, các thiết chế, công trình văn hóa, hạ tầng kinh tế, xã hội, du lịch, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu theo Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Thành phố Huế và vùng phụ cận
6	Đầu tư khu bảo tàng nhà rường Huế tại làng nghề Mỹ Xuyên	Huyện Phong Điền
7	Trung tâm hội nghị, hội thảo, hội chợ triển lãm quốc tế	Thành phố Huế
8	Khu công viên nghĩa trang sinh thái	Thị xã Hương Thủy
9	Các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hóa (Quảng cáo; Thủ công mỹ nghệ; Điện ảnh; Thời trang; Nghệ thuật biểu diễn; Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; Truyền hình và phát thanh; Du lịch văn hóa,...)	Thành phố Huế và vùng phụ cận
VI	**Đầu tư phát triển khu đô thị, khu dân cư nông thôn, nhà ở**	
1	Khu đô thị phía Nam sông Như Ý	Khu đô thị mới An Vân Dương
2	Tổ hợp thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở gồm các khu đất có ký hiệu OTM4, OTM6, LK16, LK17, CC12, CX2 tại nút giao vòng xuyến Võ Nguyên Giáp - Tố Hữu	Khu đô thị mới An Vân Dương
3	Dự án Tổ hợp nhà ở, thương mại, dịch vụ tại khu đất phía trước nhà thi đấu Bà Triệu	Thành phố Huế

STT	Tên dự án	Địa điểm
4	Khu đô thị phía Bắc phường Hương Long, An Hòa, Kim Long, Hương An	Thành phố Huế
5	Dự án tại khu vực Nhà máy xi măng Long Thọ và khu vực lân cận	Thành phố Huế
6	Dự án Tổ hợp nhà ở - thương mại, dịch vụ tại 38 Hồ Đắc Di	Thành phố Huế
7	Dự án Tổ hợp đô thị thương mại dịch vụ, khách sạn cao cấp tại khu vực Hùng Vương, Lê Quý Đôn, Tôn Đức Thắng, Nguyễn Thị Minh Khai	Thành phố Huế
8	Dự án Tổ hợp nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ tại đường Hùng Vương, Đống Đa (tại khu đất tòa nhà Tỉnh ủy và công an thành phố Huế)	Thành phố Huế
9	Khu đô thị phía Bắc, phường An Hòa, Hương Sơ và Hương Vinh	Thành phố Huế, thị xã Hương Trà
10	Khu đô thị Hương Long, An Hòa, Kim Long	Thành phố Huế
11	Khu đô thị Bàu Vá	Thành phố Huế
12	Khu đô thị du lịch chữa bệnh Khu vực Mỹ An	Thành phố Huế, huyện Phú Vang
13	Khu đô thị biển Thuận An	Thành phố Huế
14	Khu đô thị sinh thái ven sông Phổ Lợi	Thành phố Huế
15	Khu đô thị sinh thái Thanh Tiên	Thành phố Huế
16	Khu đô thị Hương Xuân	Thị xã Hương Trà
17	Dự án khu đô thị Hương Văn	Thị xã Hương Trà
18	Khu đô thị Hồ Châu Sơn - phía Đông	Thị xã Hương Thủy
19	Khu đô thị cảng hàng không quốc tế Phú Bài	Thị xã Hương Thủy
20	Khu đô thị sinh thái Thủy Phương	Thị xã Hương Thủy
21	Dự án khu đô thị sinh thái khu vực Thủy Thanh và khu vực lân cận	Thị xã Hương Thủy
22	Dự án Khu đô thị Thanh Toàn	Thị xã Hương Thủy
23	Khu phức hợp Đô thị, khu nghỉ dưỡng Khu D - An Vân Dương	Khu đô thị mới An Vân Dương
24	Khu đô thị mới Triều Thủy Khu E - An Vân Dương	Khu đô thị mới An Vân Dương

STT	Tên dự án	Địa điểm
25	Khu đô thị Phú Dương, Phú Thượng, Phú Mỹ	Khu đô thị mới An Vân Dương
26	Khu dân cư Phú Diên 1, 2, 3	Huyện Phú Vang
27	Khu đô thị, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Vinh An	Huyện Phú Vang
28	Khu đô thị Phú Hồ	Huyện Phú Vang
29	Khu đô thị du lịch sinh thái tại khu vực đầm Hà Trung	Huyện Phú Vang
30	Khu dân cư - dịch vụ Khu công nghiệp Phong Điền	Huyện Phong Điền
31	Dự án khu phức hợp du lịch, đô thị Điền Lộc	Huyện Phong Điền
32	Nhà ở xã hội Phong Hiền	Huyện Phong Điền
33	Khu nhà ở sinh thái khu vực Ngũ Hồ	Huyện Phong Điền
34	Khu đô thị du lịch ven biển Điền Lộc	Huyện Phong Điền
35	Dự án khu dân cư Thương mại Hạ Cảng	Huyện Phong Điền
36	Khu đô thị sinh thái hồ cây Mang	Huyện Phong Điền
37	Dự án khu dân cư sinh thái phía Tây thị trấn Phong Điền	Huyện Phong Điền
38	Dự án Khu dân cư thương mại khu vực An Lỗ	Huyện Phong Điền
39	Dự án khu nhà ở mật độ thấp tại thị trấn Phong Điền	Huyện Phong Điền
40	Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Vịnh	Huyện Quảng Điền
41	Khu phức hợp đô thị, nghỉ dưỡng Quảng Ngạn	Huyện Quảng Điền
42	Khu phức hợp đô thị - nghỉ dưỡng Hải Dương, Quảng Công	Thành phố Huế, huyện Quảng Điền
43	Khu dân cư Quảng Công 1, 2, 3	Huyện Quảng Điền
44	Khu dân cư Vinh Hiền	Huyện Phú Lộc
45	Dự án xây dựng Khu dân cư và thương mại trung tâm Khe Tre	Huyện Nam Đông
46	Khu đô thị Chân Mây, Lăng Cô, Cảnh Dương	Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô
VII	**Khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, truyền thông**	
1	Khu công nghệ cao	Huyện Phú Lộc
2	Khu công viên phần mềm, công nghệ thông tin tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế	Khu đô thị mới An Vân Dương
3	Khu công viên khoa học	Thị xã Hương Trà
4	Trung tâm dữ liệu số	Khu Đô thị mới An Vân Dương

STT	Tên dự án	Địa điểm
5	Khu công nghệ và sản xuất phần mềm	Khu Đô thị mới An Vân Dương
6	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ thông tin (thuộc phạm vi dự án Khu đô thị, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái và sân gôn tại xã Hương Thọ, thành phố Huế và xã Bình Thành, thị xã Hương Trà)	Thành phố Huế
VIII	**Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản**	
1	Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bảo tồn, phục tráng và phát triển cây ăn quả; trang trại nông nghiệp sạch, nông nghiệp tuần hoàn công nghệ cao, trồng trọt công nghệ cao; trung tâm thực nghiệm, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh, vô cơ	Các địa phương
2	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Các địa phương
3	Dự án nuôi trồng, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản	Các địa phương
4	Dự án xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao; các chốt kiểm dịch động vật	Các địa phương
5	Dự án sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản, phát triển giống cây trồng lâm nghiệp công nghệ cao	Các địa phương
6	Dự án trồng rừng bền vững, trồng rừng gỗ lớn, phát triển kinh tế dưới tán rừng	Các địa phương
7	Xây dựng trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, chợ đầu mối thủy sản	Thành phố Huế

Ghi chú:

- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại mục XIV của Tờ trình số 13942/TTr-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Các dự án công trình, dự án đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

- Về quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Ngoài các dự án quan trọng được xác định trong danh mục trên, danh mục các dự án cần thiết khác cho các ngành và địa phương được xác định trong các phương án phát triển chuyên ngành và phương án phát triển các huyện/thị xã/thành phố kèm theo trong Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 và có thể tiếp tục được bổ sung ở các bước quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc các đề án chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Phụ lục XXII
DANH MỤC BẢN ĐỒ, CƠ SỞ DỮ LIỆU QUY HOẠCH TỈNH THỪA THIÊN HUẾ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	TÊN BẢN ĐỒ	TỶ LỆ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng huyện tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000